

Số: 261.../QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/09/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm đào tạo và Bồi dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy cho 74 sinh viên các ngành, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế (có tên trong danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	Số lượng
1	Kế toán	68
2	Nuôi trồng thủy sản	01
3	Quản trị kinh doanh	01
4	Kỹ thuật xây dựng	04
Tổng cộng		74

Điều 2. Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, ĐTBĐ.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Theo Quyết định số: 261/QĐ-ĐHNT ngày 24 tháng 3 năm 2020)

1. Ngành: Kế toán

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	17DN0011	Nguyễn Hoài	Trai	25/10/1989	Lâm Đồng	Khá	BL17DN1
2	17DN0036	Mai Thị Cẩm	Vân	04/10/1992	Lâm Đồng	Khá	BL17DN1
3	17DN0015	Phan Nhật	Việt	21/04/1993	Quảng Ngãi	Khá	BL17DN1
4	16DN0537	Lương Thị Kim	Ánh	01/01/1980	Đà Nẵng	Khá	LD16TDN
5	16DN0552	Dương Thị Mỹ	Hạnh	02/06/1983	Quảng Bình	Khá	LD16TDN
6	16DN0553	Đinh Thị Tô	Hoài	12/08/1968	Ninh Bình	Khá	LD16TDN
7	16DN0570	Phan Thị	Huế	27/01/1995	Hà Tĩnh	TB Khá	LD16TDN
8	16DN0568	Trịnh Văn	Minh	14/06/1984	Lâm Đồng	Khá	LD16TDN
9	16DN0556	Đỗ Thảo	Nguyên	03/02/1983	Lâm Đồng	TB Khá	LD16TDN
10	16DN0577	Lê Thị Ý	Nhi	02/04/1993	Lâm Đồng	TB Khá	LD16TDN
11	16DN0557	Dương Thị Trinh	Phúc	02/06/1983	Quảng Bình	Khá	LD16TDN
12	16DN0535	Vũ Thị Mai	Phương	10/02/1991	Lâm Đồng	Giỏi	LD16TDN
13	16DN0569	Nguyễn Thị Bích	Phương	22/02/1994	Lâm Đồng	TB Khá	LD16TDN
14	16DN0561	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	14/07/1986	Khánh Hòa	Khá	LD16TDN
15	16DN0560	Lê Thị Hiếu	Thảo	15/05/1978	Long An	Khá	LD16TDN
16	16DN0562	Đỗ Thị	Thu	12/02/1982	Hà Nội	Khá	LD16TDN
17	16DN0563	Lê Trần Phương	Thủy	04/02/1988	Lâm Đồng	Khá	LD16TDN
18	16DN0564	Nguyễn Thị Kim	Thủy	01/04/1992	Ninh Thuận	Khá	LD16TDN
19	16DN0565	Trần Văn	Tĩnh	29/03/1992	Quảng Ngãi	Khá	LD16TDN
20	16DN0566	Nguyễn Thị	Vàng	02/01/1982	Lâm Đồng	TB Khá	LD16TDN
21	16DN0567	Phùng Thị	Yến	20/06/1985	Bình Định	Khá	LD16TDN
22	16DN0571	Đào Thị	Yến	03/02/1985	Nghệ An	Khá	LD16TDN
23	17DN0225	Huỳnh Thị Mỹ	Châu	05/04/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
24	17DN0229	Võ Thị	Dung	10/09/1969	Sơn La	Khá	QN17TDN
25	17DN0200	Võ Hồ Thị Bích	Hà	26/03/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
26	17DN0227	Trần Thị Thúy	Hà	24/12/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
27	17DN0230	Nguyễn Thị	Hà	02/03/1983	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
28	17DN0226	Đoàn Minh	Hải	04/07/1987	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
29	17DN0245	Huỳnh Thị Thu	Hồng	16/09/1980	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
30	17DN0218	Đặng Thị Thu	Hương	09/10/1986	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
31	17DN0246	Nguyễn Thị Minh	Hữu	10/06/1984	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
32	17DN0221	Bùi Thị Cẩm	Huyền	30/09/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
33	17DN0201	Cao Duy	Khánh	17/09/1978	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
34	17DN0202	Nguyễn Thị	Kiều	20/03/1991	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
35	17DN0243	Trần Thị Thúy	Kiều	22/11/1984	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Chữ ký

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
36	17DN0241	Đinh Thị Ngọc Lan	10/02/1978	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
37	17DN0242	Đỗ Thị Ngọc Lan	12/12/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
38	17DN0203	Đỗ Hồng Long	02/03/1975	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
39	17DN0222	Nguyễn Thị Minh Long	10/06/1982	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
40	17DN0204	Đặng Thị Thúy Lựu	10/09/1985	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
41	17DN0220	Đinh Thị Mười	16/08/1981	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
42	17DN0240	Trần Thị Thiên Nga	21/05/1984	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
43	17DN0205	Ngô Thị Kim Ngân	10/07/1987	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
44	17DN0249	Tạ Văn Nghĩa	30/10/1986	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
45	17DN0236	Bùi Vũ Hàn Nguyễn	30/04/1993	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
46	17DN0219	Nguyễn Thị Việt Nhung	27/05/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
47	17DN0216	Nguyễn Hoàng Phong	01/01/1976	Hà Nội	Khá	QN17TDN
48	17DN0206	Ngô Thị Phú	10/07/1988	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
49	17DN0207	Trương Công Phú	03/07/1988	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
50	17DN0248	Nguyễn Duy Quang	20/02/1992	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
51	17DN0237	Phạm Thuần Quyên	25/06/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
52	17DN0208	Huỳnh Thị Thắm	17/11/1988	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
53	17DN0244	Huỳnh Thị Kim Thảo	19/03/1983	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
54	17DN0209	Nguyễn Thị Anh Thi	25/08/1990	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
55	17DN0224	Nguyễn Thị Minh Thư	10/12/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
56	17DN0250	Phạm Thị Thuận	13/10/1981	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
57	17DN0210	Nguyễn Thị Mai Thủy	13/12/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
58	17DN0214	Võ Thị Lệ Thủy	29/10/1985	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
59	17DN0232	Nguyễn Dương Phương Thủy	10/05/1984	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
60	17DN0239	Trần Thị Thanh Thủy	01/02/1983	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
61	17DN0247	Nguyễn Thị Thùy Trang	20/02/1986	Đắk Lắk	Khá	QN17TDN
62	17DN0211	Huỳnh Thị Thanh Tuyền	22/11/1988	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
63	17DN0212	Phạm Thị Vân	10/07/1985	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
64	17DN0217	Bùi Thái Việt	24/02/1987	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
65	17DN0213	Đặng Quốc Vương	09/07/1989	Quảng Ngãi	Khá	QN17TDN
66	17DN0228	Nguyễn Trần Quốc Đạt	01/11/1991	Quảng Ngãi	TB Khá	QN17TDN
67	17DN0540	Trần Ngọc Phương Trâm	22/03/1996	Khánh hòa	Trung bình	NT17CDN
68	12DN0796	Đào Thị Nhịn	10/05/1991	Khánh Hòa	Trung bình	NT12TDN4

Danh sách gồm 68 sinh viên.

2. Ngành: Nuôi trồng thủy sản

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	17NT0219	Nguyễn Thị Minh Đạt	01/02/1996	Bình Thuận	TB Khá	NT17CNT

Danh sách gồm 01 sinh viên.

ruk

3. Ngành: Quản trị kinh doanh

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	17QT0104	Ngô Ngọc	Huy	22/06/1994	Quảng Ngãi	TB Khá	NT17CQT

Danh sách gồm 01 sinh viên.

4. Ngành: Kỹ thuật xây dựng

TT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	NT16XD222	Trần Văn	Hiếu	19/12/1992	Khánh Hòa	TB Khá	NT16TXD1
2	NT16XD233	Trần Văn	Tài	20/11/1991	Khánh Hòa	TB Khá	NT16TXD1
3	17XD0208	Lê Hà	Kháng	20/08/1995	Bình Định	TB Khá	NT17CXD
4	17XD0224	Nguyễn Trung	Sinh	01/03/1994	Khánh Hòa	Trung bình	NT17CXD

Danh sách gồm 04 sinh viên.

Handwritten signature

